

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Nguyễn Ngọc Phú

Công tác quản trị vốn kinh doanh là một hoạt động rất được quan tâm tại các ngân hàng hiện nay. Dựa trên cơ sở lý luận về vốn kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La dựa trên số liệu được cung cấp tại Chi nhánh và số liệu tác giả khảo sát thực tế về thực trạng công tác sử dụng vốn kinh doanh. Trong đề tài này tác giả đã sử dụng các phương pháp như so sánh, thống kê các chỉ tiêu liên quan đến hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh và các chỉ số của thị trường như phần bù rủi ro thị trường, hệ số rủi ro Beta. Bên cạnh đó, tác giả sử dụng phần mềm Excel phân tích tính toán sự tương quan giữa chỉ số ROE với các chỉ số như: Môi trường kinh tế xã hội, Vòng quay Vốn lưu động, Vòng quay Vốn cố định, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng Tài sản của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La. Qua đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chỉ số ROE tại Công ty.

• Từ khóa: vốn kinh doanh, hiệu quả.

Business capital management is a very interesting activity at the current banks. Provision a above theoretical basis on which business and effective use of working capital, the author has analyzed, evaluated operational status using business capital in JSC Sugar Son La based on data and advances are provided at the branch and survey data the actual authors of the status of the use of myriad business. In this subject the author has used methods such as comparative, statistical indicators related to utilization business capital, efficient use of working capital and the index of the market as the complement market risk, Beta risk factor. Besides, the author uses Excel software to analyze the calculation correlation between ROE index with indicators such as: Socio-economic environment, circulating capital turnover, fixed capital turnover, after-tax profit ratio on total assets of Son La Sugar Joint Stock Company. Thereby, the author has proposed some solutions to improve ROE index at the Company.

• Keywords: *business capital, efficiency.*

Ngày nhận bài: 2/5/2019

Ngày chuyển phân biện: 10/5/2019

Ngày nhận phân biện: 15/5/2019

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2019

1. Đặt vấn đề

Trước cánh cửa hội nhập quốc tế sâu rộng và biến đổi khí hậu, ngành Mía đường trong nước phải tự thay đổi để cạnh tranh với đường nhập khẩu từ các quốc gia khác. Các nhà máy đã có sự quan tâm đầu tư chiều sâu về công nghệ, thiết bị nhưng vấn đề đặt ra là phải quản lý vốn đầu tư tốt, có hiệu quả đồng thời khắc phục được tình trạng lãng phí, thất thoát vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Bài viết sẽ làm rõ hơn về vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Mía đường Sơn La.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Công tác sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

2.1. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp: được thu thập thông qua các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn từ năm 2007-2017 và qua tạp chí, internet, báo cáo ngành.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn: Tham khảo sách giáo khoa, nghiên cứu tài liệu và dùng phương pháp so sánh thống kê để so sánh thực trạng sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty.

Dữ liệu sơ cấp: Được thu thập trực tiếp thông qua phỏng vấn trực tiếp và tự tính toán các số liệu từ báo cáo tài chính của công ty.

Địa bàn khảo sát: Thành phố Sơn La.

Đối tượng khảo sát: Nhân viên Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu ngẫu nhiên.

Thời gian lấy mẫu: Từ năm 2007 đến năm 2017.

2.2. Thiết lập mô hình

Biến phụ thuộc:

ROE: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu.

Biến độc lập:

VQVLĐ: Vòng quay Vốn lưu động;

VQVCD: Vòng quay Vốn cố định;

ROA: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng Tài sản.

Mô hình tổng thể:

$$ROE = \beta_0 + \beta_1 VQVLĐ + \beta_2 VQVCD + \beta_3 ROA + U_i$$

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Dựa vào cơ sở lý luận, sau khi nghiên cứu sơ bộ xây dựng thang đo nhập cho mô hình nghiên cứu thì nghiên cứu sẽ tiếp tục tiến hành các bước sau:

Bước 1: Nghiên cứu sơ bộ bằng định tính

Nội dung phỏng vấn thử nghiệm sẽ được ghi nhận, tổng hợp làm cơ sở cho việc điều chỉnh và bổ sung cũng như loại bỏ các biến không liên quan đưa ra thang đo chính thức. Từ đó bảng câu hỏi sẽ được thiết kế, phát hành thử và hiệu chỉnh lần cuối trước khi phát hành chính thức cho bước nghiên cứu chính thức.

Bước 2: Nghiên cứu chính thức bằng định lượng thông qua bảng câu hỏi

Kích cỡ mẫu 10, các thang đo được kiểm tra độ tin cậy và kiểm định nhân tố khám phá. Từ đó đưa ra các nhân tố chính ảnh hưởng tới chỉ số ROE. Kiểm định mô hình bằng phương pháp hồi quy đa biến với mức ý nghĩa 5%. Các phân tích trên được thực hiện trên Excel.

2.4. Phương pháp phân tích số liệu

Các số liệu sau khi thu thập sẽ được rà soát, xử lý và phân tích dưới sự hỗ trợ của các phần mềm Excel để xử lý kết quả khảo sát và phân tích các yếu tố, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến chỉ số ROE của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La. Đưa ra nhận xét dựa trên kết quả phân tích, từ đó đề xuất ý kiến để góp phần phát triển nhằm nâng cao công tác sử dụng Vốn kinh doanh nói chung và chỉ số ROE nói riêng.

3. Kết quả

Trên cơ sở giữa lý thuyết và thực tiễn, tác giả đã thu thập số liệu thống kê, điều tra và sử dụng một số phương pháp so sánh, phân tích để đưa ra những nhận xét đánh giá về các yếu tố tác động đến chỉ số ROE. Từ đó, tác giả đưa ra những biện pháp nhằm nâng cao chỉ số ROE với mục đích thu hút các nhà đầu tư đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng Vốn kinh doanh tại Công ty.

3.1. Thực trạng sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

3.1.1. Hiệu suất sử dụng vốn

Bảng 1: Phân tích hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu thuần từ bán HHDV	390.245	439.627	537.311
2	Vốn cố định BQ	92.149	133.487	270.927
3	Vốn lưu động BQ	102.478	126.920	183.416
4	Hiệu suất sử dụng VCD	4,23	3,29	1,98
5	Hiệu suất sử dụng VLĐ	3,81	3,46	2,93
6	Hiệu suất sử dụng VKD	2	1,7	1,2

Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty SLS

Từ năm 2015 đến năm 2017, doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ của công ty tăng từ 390 tỷ đồng năm 2015 lên 537 tỷ đồng năm 2017.

Vốn cố định của công ty tăng mạnh từ 92 tỷ đồng năm 2015 lên đến 270 tỷ đồng năm 2017. Sở dĩ, vốn cố định của công ty tăng mạnh là do trong năm vừa qua, công ty đã đi thuê tài chính rất nhiều tài sản là máy móc thiết bị.

Vốn lưu động của công ty tăng nhẹ từ 102 tỷ đồng năm 2015 lên đến 183 tỷ đồng năm 2017. Mức tăng này có được là do lượng hàng tồn kho thành phẩm của công ty tăng cao vào dịp cuối năm.

Hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh của công ty có xu hướng giảm, do công ty có tốc độ tăng doanh thu chậm hơn tốc độ tăng vốn kinh doanh.

Từ năm 2015 đến năm 2017, ta nhận thấy lợi nhuận sau thuế và lãi vay của doanh nghiệp tăng mạnh từ 48 tỷ đồng năm 2015 lên 163 tỷ đồng năm 2017.

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản của công ty tăng từ 25% năm 2015 lên 36% năm 2017. Ý nghĩa của chỉ số này cho ta biết, trong năm 2017, 1 đồng vốn đầu tư vào tài sản của công ty tạo ra 0,36 đồng lợi nhuận sau thuế và lãi vay.

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu của công ty tăng từ 27% năm 2015 lên 48% năm 2017.

Ý nghĩa của chỉ số này cho ta biết trong năm 2017, 1 đồng vốn chủ sở hữu của công ty tạo ra 0,48 đồng lợi nhuận sau thuế và lãi vay.

3.2. Kết quả nghiên cứu khảo sát thực tế

3.2.1. Kết quả khảo sát thực tế

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy công tác sử dụng Vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La hiện nay tương đối tốt, chỉ số ROE đang có xu hướng tăng. Tuy nhiên, công ty cần chú trọng hơn công tác bán hàng và khai thác tốt các tài sản đang được thuê tài chính.

Bảng 2: Phân tích hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	SLS (2015)	SLS (2016)	SLS (2017)
1	Lợi nhuận sau thuế và lãi vay	48,189	105,791	163,073
2	Tỷ suất lợi nhuận trên VLD	47%	83%	89%
3	Tỷ suất lợi nhuận trên VCD	52%	79%	60%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên TTS	25%	41%	36%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VCSH	27%	45%	48%

Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty SLS

3.2.2. Phân tích nhân tố

Áp dụng mô hình phân tích hồi quy tuyến tính với sự trợ giúp của Excel. Để kiểm tra sự tin cậy của kết quả ta căn cứ vào chỉ số Significance F. Nếu giá trị này thấp hơn 0.05 thì ta thu được kết quả trên là hoàn toàn đáng tin cậy.

Nếu Significance F này lớn hơn 0.05, ta kiểm tra các biến độc lập. Nếu biến độc lập nào có chỉ số P-value lớn hơn 0.05 ta loại bỏ biến độc lập đó và chạy hồi quy lại cho tới khi chỉ số Significance F thấp hơn 0.05.

Sau khi thu được kết quả là đáng tin cậy, ta thu được giá trị của các hệ số β_{0-4} tại cột Coefficients. Từ đó, ta xây dựng được hàm số sau:

$$ROE = \beta_0 + \beta_1 VQVLD + \beta_2 VQVCD + \beta_3 ROA + U_i$$

SUMMARY OUTPUT

Regression Statistics	
Multiple R	0.942629
R Square	0.888549
Adjusted R Square	0.840784
Standard Error	5.581598
Observations	11

ANOVA

	df	SS	MS	F	Significance F
Regression	3	1738.648	579.5492	18.60258	0.001028263
Residual	7	218.0796	31.15424		
Total	10	1956.727			

	Coefficients	Standard Error	t Stat	P-value	Lower 95%	Upper 95%	Lower 95.0%	Upper 95.0%
Intercept	8.53019	9.456884	0.902008	0.397026	-13.83178791	30.89217	-13.8318	30.89217
VQVLD	-0.09883	1.574084	-0.06278	0.951693	-3.820945313	3.623289	-3.82095	3.623289
VQVCD	-1.76545	1.005385	-1.75599	0.122517	-4.142807137	0.61191	-4.14281	0.61191
ROA	1.506973	0.27894	5.402501	0.001006	-0.847384989	2.166561	0.847385	2.166561

Kết quả phân tích các hệ số trong mô hình cho thấy, mức ý nghĩa của các thành phần là 0.001 (nhỏ hơn 0.05). Do đó, ta có thể nói rằng các biến độc lập đều có tác động đến ROE. Tất cả các nhân tố đều có ý nghĩa trong mô hình. Trong 10 năm, VQVLD và VQVCD tác động ngược chiều đến ROE và ROA tác động cùng chiều đến ROE.

Qua kết quả phân tích trên ta có mô hình sau:

$$ROE = 8.53 - 0.098 * VQVLD - 1.765 * VQVCD + 1.506 * ROA$$

Mô hình trên giải thích được 84% sự thay đổi của ROE là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 16% biến thiên được giải thích bởi các biến khác nằm ngoài mô hình.

4. Bàn luận

Nghiên cứu này của tác giả tập trung vào đánh giá các nhân tố tác động đến ROE. Từ đó, đưa ra những biện pháp đẩy cao ROE nhằm thu hút thêm nhà đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

4.1. Thành tựu trong công tác sử dụng vốn tại Công ty

Là một doanh nghiệp trong top đầu của ngành sản xuất đường, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La vẫn từng bước xây dựng hình ảnh trên thị trường và không ngừng nỗ lực khẳng định vị thế của doanh nghiệp. Thực tế, trong ba năm tài chính gần đây Công ty luôn có lãi, lợi nhuận và mức chi trả cổ tức cho các cổ đông năm sau cao hơn năm trước, doanh thu bán hàng tăng, Công ty hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, công tác quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh ngày càng được quan tâm, cải thiện. Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã cố gắng bám sát tình hình thị trường để kịp thời ra những quyết định điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu được những thiệt hại, bảo toàn được vốn kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, làm tăng lợi nhuận cho công ty.

4.2. Những hạn chế trong công tác sử dụng vốn tại Công ty

Thứ nhất, Công ty trong thời gian qua, đầu tư vào máy móc thiết bị thuê tài chính, khiến tỷ trọng VCD tăng mạnh, tốc độ tăng trưởng VCD cao, đồng thời DT trong năm 2017 có sự tăng mạnh nhưng mức tăng nhanh hơn so với VCD, làm cho chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh của Công ty giảm.

Thứ hai, Công ty đang có chính sách tín dụng thương mại được nới lỏng điều này tiềm ẩn nguy cơ hình thành những khoản nợ khó

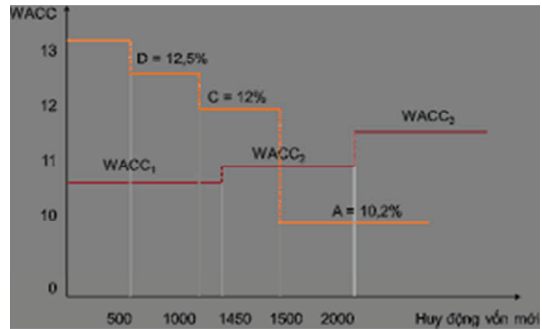
đòi trong tương lai. Bên cạnh đó, hàng tồn kho của công ty đang chiếm tỷ trọng lớn trong phần tài sản ngắn hạn, điều này làm phát sinh thêm các khoản chi phí lưu kho.

4.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty

4.3.1. Giải pháp xác định cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu phân bổ vốn

Thực trạng, cơ cấu tài sản trong thời gian qua cho thấy tỷ trọng TSLĐ đang có xu hướng giảm dần, TSCĐ tăng lên. Điều này là do thời gian qua, Công ty tập trung đầu tư vào tài sản cố định rất nhiều, tuy nhiên các loại tài sản này mới được đưa vào khai thác, vốn lưu động không tăng lên tương ứng. Trong thời gian tới, Công ty cần có giải pháp kinh doanh hợp lý để phát huy và kinh doanh tốt lượng TSCĐ mà công ty đã đầu tư.

Bên cạnh đó công ty có thể áp dụng mô hình MCC và IOS để xác định ngân sách vốn tối ưu trong kì kinh doanh tiếp theo. Giao điểm giữa đường MCC và IOS chính là ngân sách vốn tối ưu cần huy động.



4.3.2. Giải pháp để nâng cao công tác quản lý hàng tồn kho

Xác định đúng đắn mức dự trữ hàng hoá tồn kho hợp lý trong kỳ, tránh tình trạng thừa hàng hoá sẽ gây lãng phí, mà thiếu hàng sẽ gây gián đoạn kinh doanh. Để làm được điều đó Công ty cần dựa trên kinh nghiệm dự trữ từ các kỳ trước, dự kiến về sản lượng tiêu thụ kỳ tới, kết hợp với việc nghiên cứu kỹ những biến động về giá cả hàng hoá của thị trường.

Ngoài ra Công ty có thể áp dụng các mô hình tính toán xác định lượng tồn kho tối ưu như: EOQ-Economic Order Quantity hoặc POQ-Production Order Quantity.

(1) Mô hình EOQ nhằm xác định mức đặt hàng hiệu quả trên cơ sở cân nhắc giữa chi phí tồn kho và chi phí đặt hàng.

Điều kiện để áp dụng mô hình EOQ:

- Nhu cầu phải được xác định và đều trong năm.

- Giá đơn vị không thay đổi theo qui mô đặt hàng.
- Chi phí đặt một đơn hàng là bằng nhau bất kể qui mô lô hàng.
- Chi phí tồn kho tuyến tính theo số lượng hàng tồn kho.
- Cạn dự trữ có thể được bỏ qua do cung cấp hàng đúng lúc.

Công thức xác định mức đặt hàng hiệu quả:

$$TC = \frac{D_a \times S}{Q} + \frac{Q}{2} \times H \rightarrow \min$$

Chi phí đặt hàng:

$$\frac{D_a \times S}{Q}$$

Chi phí tồn kho:

$$\frac{Q}{2} \times S$$

TC: tổng chi phí tồn kho;

D_a : Tổng nhu cầu trong năm;

S: chi phí một lần đặt hàng;

H: chi phí tồn kho đơn vị trong năm;

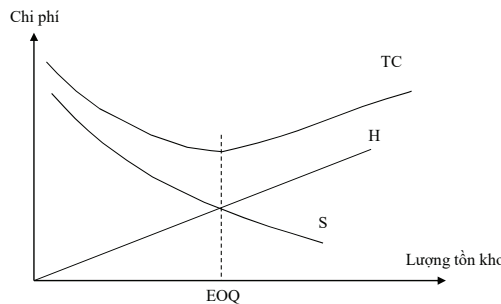
Q: quy mô đặt hàng;

EOQ: mức đặt hàng hiệu quả.

Mức đặt hàng hiệu quả:

$$EOQ = \sqrt{\frac{2 \times D_a \times S}{H}}$$

là mức đặt hàng tại đó chi phí đặt hàng bằng chi phí tồn kho.



Số lượng đơn đặt hàng trong năm:

$$N = \frac{D_a}{EOQ}$$

Thời gian giữa 2 đơn hàng:

$$T = \frac{d}{N}$$

(d: số ngày hoạt động)

Tài liệu tham khảo:

Tổng kết đánh giá hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

Bảng báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2007 - 2017.

Giáo trình Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính - Nhà xuất bản Tài chính, PGS.TS. Bùi Văn Vân và PGS.TS. Vũ Văn Ninh.